

Bản án số: **21/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: **31/07 2018**

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Dự và ông Vũ Đức Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh, kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 124/2018/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 06 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984; đăng ký hộ khẩu và cư trú tại địa chỉ: xóm M, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Quốc V, sinh năm 1972; đăng ký hộ khẩu tại địa chỉ: xóm M, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Cư trú tại: xóm 5, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt lần hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Quốc V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 05/12/2007 tại UBND xã V, huyện K là quê của chị T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở nhà bố mẹ chồng tại xóm 5, xã K, huyện K. Vợ chồng đã có thời gian sống hạnh phúc sau đó thì mới phát sinh mâu thuẫn và do mâu thuẫn vợ chồng nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2013 đến nay.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T xác định: nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm lối sống, không có con chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Mặc dù mâu thuẫn đã được hai bên gia đình bố mẹ khuyên giải nhưng không được cải thiện mà ngày càng nặng nề hơn. Từ cuối năm 2013 tới nay chị T và anh V mỗi người một nơi không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa chị yêu cầu giải quyết ly hôn giải phóng cho cả hai.

Bị đơn anh Hoàng Quốc V xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm lối sống và không có con chung. Từ năm 2013 đến nay vợ chồng anh ly thân mỗi người một nơi nhưng anh không nhất trí ly hôn anh còn tình cảm với chị T và anh theo đạo thiên chúa không được phép ly hôn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K: Về tố tụng: nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật HNGĐ; Điều 147, 227, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Quốc V; chị T phải nộp 300.000^d án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn với anh Hoàng Quốc V, cư trú tại xóm 5, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 27 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Anh Hoàng Quốc V mặc dù được Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227 và 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng: Chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Quốc V kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2007 tại UBND xã V là quê chị T, sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại xã K, huyện K. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc sau đó thì mới phát sinh mâu thuẫn; Theo chị Tuyến xác định mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, vô cớ chửi bới xúc phạm chị; vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau vì mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được nên đến cuối năm 2013 chị T về nhà mẹ đẻ ở xóm M, xã K, huyện K sống ly thân với anh V. Về phía Anh V không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với chị T và anh theo đạo thiên chúa không được phép ly hôn, nhưng anh không có biện pháp nào khắc phục mâu thuẫn nhằm duy trì hôn nhân, có ý bỏ mặc không quan tâm đến cuộc sống chung. Xác minh tình trạng hôn nhân của chị T và anh V tại UBND xã K là nơi cả hai bên cư trú thì chính quyền địa phương xác nhận từ cuối năm 2013 do mâu thuẫn vợ chồng nên chị T đã sống ly thân anh V. Như vậy, chị T xác định vợ chồng không thể chung sống cùng nhau được vì mâu thuẫn đã trầm trọng do bất đồng quan điểm lối sống, bạo lực gia đình là có căn cứ; trên thực tế vì mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được chị T và anh V đã sống ly thân từ năm 2013. Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của anh V và chị T hiện nay đã trầm trọng, không còn khả năng khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của chị T giải quyết ly hôn anh Việt là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về con: Vợ chồng anh V và chị T không có con chung nên Hội đồng xét xử không xét

[4] Về tài sản chung: Khi ly hôn chị T không yêu cầu tòa án giải quyết; anh V có phản tố yêu cầu giải quyết về tài sản chung vào ngày 15/03/ 2018 nhưng sau đó ngày 26/6/2016 anh V rút yêu cầu phản tố Tòa án đã đình chỉ giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDSS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc chị T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, Luật HNGĐ; Điều 147, 227, 228 Bộ luật TTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Quốc V.

2/ Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000^d án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000^d tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA 2763 ngày 19 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai sơ thẩm; đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã V;
- UBND xã K;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Thế Anh

CÁC THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Kim Sơn;
- Chi cục THADS huyện Kim Sơn;
- UBND xã Văn Hải;
- UBND xã Kim Mỹ;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thế Anh

